

SO SÁNH CÁCH XUNG HÔ TRONG NGHI THỨC LỜI NÓI TIẾNG NGA VỚI TIẾNG VIỆT

VŨ YẾN SON

Khoa tiếng Nga, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

Email: vuyenson86@yahoo.com

Tóm tắt: Từ xưng hô là thành tố quan trọng trong nghi thức lời nói tiếng Nga và tiếng Việt. So sánh cách xưng hô trong nghi thức lời nói tiếng Nga với tiếng Việt ở bình diện ngôn ngữ và văn hóa, góp phần nâng cao hiệu quả việc dạy nghi thức lời nói trong hai ngôn ngữ.

Từ khóa: Từ xưng hô, nghi thức lời nói.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

1.1. Tình hình nghiên cứu đề tài ở trong và ngoài nước

Trong những năm gần đây vấn đề nghiên cứu lời nói, trong đó có nghiên cứu nghi thức lời nói được các nhà ngôn ngữ học quan tâm cả ở Nga và Việt Nam. Hô từ (từ xưng hô) là một thành tố quan trọng trong nghi thức lời nói, quyết định hiệu quả mục đích giao tiếp. Vấn đề này đã được Trần Ngọc Thêm đề cập trong “Văn hóa giao tiếp và nghệ thuật ngôn từ”; Đặng Thị Lệ Tâm trong “Nghi thức lời nói trong hoạt động giao tiếp và rèn luyện nghi thức lời nói cho học sinh tiểu học”. Các tác giả người Nga như Н.И. Формановская, Е.М. Вершагин, В.Г. Костоморов, В.А. Гольдин,... cũng đặc biệt quan tâm đến vấn đề trên.

Bài báo này đặt ra mục tiêu nghiên cứu cách xưng hô trong nghi thức lời nói tiếng Nga và tiếng Việt. Do hệ thống từ xưng hô trong tiếng Nga và tiếng Việt rất phong phú và đa dạng nên trong phạm vi bài báo này chúng tôi chỉ nghiên cứu các dạng thức xưng hô hay dùng nhất (thủ pháp đối chiếu cơ bản chuyển dịch một chiều) nhằm tìm ra những nét giống và những nét khác biệt trong cách xưng hô của hai ngôn ngữ ở bình diện ngôn ngữ và văn hóa, góp phần nâng cao hiệu quả dạy các nghi thức lời nói tiếng Nga cũng như tiếng Việt như một ngoại ngữ.

1.2. Cơ sở lý luận và thực tiễn của vấn đề nghiên cứu

Nghi thức lời nói là cách sử dụng tiếng nói phục vụ nghi thức ứng xử trong giao tiếp. N.I. Formanovskaia đã đưa ra định nghĩa về nghi thức lời nói như sau: “Những quy tắc ứng xử lời nói đặc trưng của từng dân tộc được dùng trong tình huống có những người đối thoại đang tiếp xúc và giao tiếp với giọng điệu được lựa chọn phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp, với các dấu hiệu xã hội của những người đối thoại và mối quan hệ giữa họ với nhau, và được biến thành các hành động giao tiếp”. Nghi thức lời nói được hình thành dựa trên cơ sở lý luận của thuyết hành vi ngôn ngữ trong Ngữ dụng học là bộ môn được quan tâm nghiên cứu hiện nay.

2. KẾT QUẢ SO SÁNH

Nhìn chung, cách xưng hô trong tiếng Nga có hai trường hợp: với người không quen biết và người quen biết.

2.1. So sánh cách xưng hô đối với người không quen biết trong tiếng Nga và tiếng Việt

Cách xưng hô trong ngôn ngữ phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: tuổi tác, địa vị trong xã hội, tính lịch sự, tôn ti, trật tự. Văn hóa của mỗi dân tộc quy định cách xưng hô trong mỗi ngôn ngữ. Do phạm trù xưng từ hô quá lớn chúng tôi chỉ trình bày những từ xưng hô có tần số xuất hiện nhiều và được sử dụng thường xuyên trong đời sống xã hội Nga.

Cách xưng hô trong tiếng Nga chia làm hai loại: độc lập và phụ thuộc. Loại thứ nhất thực hiện chức năng hô gọi, thu hút sự chú ý của người đối thoại. Loại này thường đứng trước phát ngôn tiếp theo. Loại phụ thuộc không đứng ở vị trí đầu phát ngôn, phân phụ đứng trước phân phát ngôn làm cho nghi thức lời nói thêm lịch sự. Ví dụ: Đứng trước các từ xưng hô trong tiếng Nga trong phát ngôn thường là các từ: Простите! Извините! Будьте добры! Будьте любезны! + các từ xưng hô. Hiện tượng này giống với tiếng Việt. Đối với người đối thoại không quen biết trước lúc xưng hô người Việt thường nói: *Xin lỗi*, hoặc *Hãy làm ơn...* Loại xưng hô này chúng tôi không phân tích kỹ mà chú trọng phân tích đối chiếu loại xưng hô độc lập – các từ xưng hô đứng đầu phát ngôn.

2.1.1. Cách xưng hô dùng từ *товарищ* và *гражданин*

Những hình thức hô gọi người không quen biết trong tiếng Nga hiện đại hay sử dụng nhất là các từ xưng hô *товарищ* (đồng chí) và *гражданин* (công dân). Từ *товарищ* đã xuất hiện trước Cách mạng tháng 10 năm 1917. Chúng ta nhớ lại câu thơ của Puskin: *Товарищ! Взойдет звезда пленительного счастья* (Đồng chí hỡi! Ngôi sao hạnh phúc rồi sẽ hiện ra) trong bài thơ “Gửi Традаер” của ông(11). Sau Cách mạng tháng 10 từ *товарищ* được dùng để xưng hô với những người không quen biết mà bên ngoài có thể thừa nhận là đồng chí, và đối với người quen biết – những bạn chiến đấu, những thành viên của một cộng đồng xã hội. Trong những năm tháng thời Liên Xô (cũ) từ *товарищ* được sử dụng rộng rãi để xưng hô với người không quen biết ở ngoài đường, trên tàu xe, nhà hàng và khách sạn, mọi nơi công cộng. Trong thời điểm hiện tại, từ *товарищ* được sử dụng hạn chế, chỉ quy định bắt buộc sử dụng trong quân đội theo Hiến pháp Nga. Ví dụ: *Товарищ майор!* (Đồng chí thiếu tá!), *Товарищ полковник!* (Đồng chí đại tá!). Cách xưng hô có sử dụng hô từ là đồng chí trong tiếng Việt hiện tại chủ yếu được sử dụng trong cuộc họp các tổ chức Đảng.

Về bình diện ngôn ngữ trong tiếng Nga từ *товарищ* không có dạng tương ứng chỉ nữ giới, vì vậy trong cách xưng hô với phụ nữ ít được sử dụng, mà chủ yếu được dùng với đàn ông, nam giới. Trái lại từ *гражданин* có các dạng tương ứng với danh từ giống cái là *гражданка* dùng chỉ nữ giới, vì vậy trong cách xưng hô với phụ nữ tiếng Nga dùng từ *гражданка* thay thế cho từ *товарищ*.

Ví dụ:

1. *Товарищ, вы уронили газету.*

Đồng chí, chị đánh rơi tờ báo.

2. *Гражданка*, вы уронили газету.

Nữ công dân, chị đánh rơi tờ báo.

Đối với nam giới trong sinh hoạt hàng ngày cách xưng hô *товарищ* và *гражданин* không có gì phân biệt nhiều lắm. Từ xưng hô *гражданин* ngoài được sử dụng trong sinh hoạt hàng ngày còn được dùng cả trong hoàn cảnh trịnh trọng, đặc biệt là trong các cơ quan pháp luật, công sở như công an, tòa án.

Ví dụ: Cách xưng hô của anh cảnh sát với người đi đường – *Гражданин*, вы нарушили правила - rất điển hình. (Người công dân, anh đã vi phạm luật).

Trong phạm vi giao tiếp sinh hoạt hàng ngày đôi khi trong xưng hô với phụ nữ có thể thay thế từ *гражданка* bằng *гражданочка* (được cấu tạo bằng cách biến đổi hậu tố) mang sắc thái tình cảm thân mật, âu yếm nhưng nên hạn chế sử dụng vì từ này nằm ngoài chuẩn mực văn hóa.

Việc sử dụng từ *товарищ* có những hạn chế vì từ này không có phạm trù giống cái. Để khắc phục hiện tượng này tiếng Nga đưa ra cách xưng hô bằng cách dùng cụm từ “*товарищ + danh từ chỉ nghề nghiệp*”. Ví dụ: *Товарищ секретарь!* (Đồng chí nữ thư ký!), *Товарищ водитель!* (Đồng chí lái xe!). Điều này khác với tiếng Việt: trong các trường hợp tương tự người Việt thường nói: *Chị thư ký! Anh lái xe!* Điểm khác biệt này chịu ảnh hưởng của yếu tố văn hóa của người Việt. Tiếng Việt chủ yếu sử dụng từ xưng hô là các danh từ chỉ quan hệ thân tộc để biểu hiện ý nghĩa quan hệ giữa người nói-người nghe (tình làng nghĩa xóm, quan hệ thân-sơ...), còn người Nga xưng hô với nhau chủ yếu theo quan hệ xa và quan hệ gần.

Khi sử dụng các từ xưng hô *товарищ*, *гражданин* để tạo ra sự giao tiếp được thân mật, gần gũi hoặc trang trọng, lịch sự các từ này được mở rộng bằng cách kết hợp với các tính từ đứng trước và từ *товарищ* được dùng ở số nhiều. Ví dụ: *Дорогие товарищи!* (Các đồng chí thân mến! hoặc thưa các đồng chí!), *Уважаемые товарищи!* (Kính thưa các đồng chí!). Còn tiếng Việt sử dụng các từ *thưa*, *kính thưa* biểu hiện cách xưng hô lễ phép lịch sự của văn hóa Việt. Khi dùng từ *гражданин* để xưng hô, đứng sau nó thường có kết hợp với danh từ đứng sau. Ví dụ: *Граждане пассажиры!* (Những công dân hành khách!) được sử dụng trong hoàn cảnh trịnh trọng.

Trong tiếng Nga các cách xưng hô *товарищ*, *гражданин*, *гражданка* không nhấn mạnh dấu hiệu tuổi tác của người đối thoại, cũng như không chỉ ra trình độ văn hóa và giáo dục của hai người đối thoại. Vì vậy, cách xưng hô này có tính chất thông dụng và được sử dụng nhiều với người không quen biết.

2.1.2. Các từ xưng hô tiếng Nga có chỉ ra các dấu hiệu xã hội

Các từ xưng hô trong giao tiếp tiếng Nga chỉ ra các dấu hiệu xã hội thông dụng được sử dụng rộng rãi trong mọi hoạt động sinh hoạt và đời sống cộng đồng là các từ *молодой человек!* (chàng trai trẻ!) và *девушка!* (Cô gái!). Ví dụ: *Молодой человек*, у вас нет

лишнего билета? (Chàng trai trẻ, anh có vé dư (thừa) không?); *Девушка*, который час? (Cô gái, mấy giờ rồi?). Trong giao tiếp tiếng Nga đối với phụ nữ phục vụ khách sạn nhà hàng, bán hàng, thư ký, cắt tóc có thể dùng từ *девушка* để gọi hầu hết mọi người. Ví dụ: *Девушка, примите заказ.* (Cô gái, hãy nhận đơn đặt hàng). *Девушка, взвесьте полкило сыра.* (Cô gái, hãy cân cho tôi nửa kilogam phomat). Đối chiếu với tiếng Việt trong những tình huống tương tự, người Việt dùng các danh từ chỉ quan hệ thân tộc hay đại từ nhân xưng để xưng hô. Ví dụ: *Anh có thừa vé không? Cô hãy nhận đơn đặt hàng đi.* Cách xưng hô khác nhau trong tiếng Nga và tiếng Việt bị chi phối bởi truyền thống văn hóa.

Cách xưng hô không điển hình *Дама* (quý bà) được người ta gọi khách hàng ở các tiệm uốn tóc, hiệu may, thẩm mỹ viện, khi người phục vụ tỏ thái độ tôn trọng đối với những vị khách nữ thường không còn trẻ nữa (do gọi là *девушка* thì không tiện). Ví dụ: *Дама, ваша очередь?* (Quý bà, đến lượt bà phải không?). Trong dịch vụ (đặc biệt là dịch vụ du lịch) người Nga sử dụng từ *клиент* (khách hàng) biểu hiện cách xưng hô trịnh trọng.

Cư dân các tỉnh miền Nam nước Nga còn sử dụng từ *женщина* (người đàn bà) thay thế cho *девушка* để gọi những người phụ nữ đã đứng tuổi. Kiểu xưng hô này vẫn chưa thâm nhập vào ngôn ngữ và văn hóa, mặc dù ở các thành phố lớn của Nga đã được sử dụng rộng rãi.

Cách xưng hô sử dụng cụm từ *молодой человек* là cách xưng hô trung hòa về mặt văn phong, tương ứng với cách xưng hô này có thể dùng từ *юноша* (anh thanh niên) hoặc *парень* (chàng trai).

- Những người trí thức cao tuổi ở Nga thường lựa chọn cách xưng hô với từ *юноша*.

Ví dụ: *Юноша, надо бы уступить место женщине.* (Anh thanh niên, cần phải nhường chỗ cho phụ nữ).

- Người dân bình thường chọn từ *парень* làm cách xưng hô.

Ví dụ: *Парень, у тебя есть закурить?* (Chàng trai, cậu có thuốc hút không?).

Còn một cách xưng hô với người nhỏ tuổi hơn, ở hàng thấp hơn *парень* về mặt tu từ là cách dùng từ *малый* (cậu nhóc). Ví dụ: *Малый, дай закурить* (Nhóc nhóc, đưa thuốc cho tao). Cách xưng hô này suồng sã và hạ thấp tu từ.

Khi xưng hô với nam thanh niên hoặc người trung niên còn có những từ xưng hô khác, hạ thấp về mặt tu từ nhưng biểu hiện thái độ thân mật, gần gũi. Đó là các từ: *друг* (anh bạn), *приятель* với nghĩa tương tự nhưng là ít sử dụng. Ví dụ: *Приятель, поддержи чемодан.* (Anh bạn, hãy giữ lấy chiếc vali). Cách xưng hô sử dụng từ *парень, друг, приятель, малый* kết hợp với hình thức giao tiếp bằng ngôi thứ hai số ít. Cách xưng hô này gặp nhiều trong giao tiếp đời thường và cả trong các tác phẩm văn học nhằm cá tính hóa tính cách nhân vật. Trong tiếng Nga và cũng như trong tiếng Việt còn một cách xưng hô đối với người không quen biết dựa vào một đặc điểm ngoại hình nào đó của người sẽ đối thoại. Ví dụ: *Эй, борода!* (Này, người có râu! Anh râu!); *Эй, в шляпе!* (Này, người đội mũ!)...

Như đã nói trong phần đầu, khi đối chiếu cách xưng hô bởi từ *товарищ* chúng tôi nhận thấy rằng hiện nay từ xưng hô này bị hạn chế sử dụng trong đời sống xã hội Nga, và trong đời sống xã hội Việt, và người ta dùng từ *господин* (quý ông), *госпожа* hay *дама* (quý bà) để thay thế. Ví dụ: *Господа, это место свободно?* (Quý ông, chỗ ngồi này còn trống phải không?). Khi xưng hô xã giao, trình trọng với đồng người không quen biết có cả nam giới và phụ nữ sử dụng từ xưng hô ở số nhiều *господа*. Ví dụ: *Господа, позвольте открыть наше собрание.* (Thưa quý vị, cho phép tôi bắt đầu cuộc họp).

2.1.3. Cách xưng hô sử dụng từ phái sinh của tên gọi người họ hàng

Khi xưng hô với người không quen biết, người Nga còn sử dụng các từ phái sinh của tên gọi người họ hàng, hoặc các từ phái sinh của các từ thân tộc (gọi người trong gia đình) bằng cách thêm các hậu tố khác nhau để chỉ sự thân mật, âu yếm, gần gũi. Ví dụ: *дядя* (chú, bác) – *дяденька* (ông chú đáng mến); *дочь* (con gái) – *дочка* (con gái bé bỏng).

Khi giao tiếp với những phụ nữ sống ở nông thôn, hay đã chuyển về thành phố nhưng vẫn còn giữ lại nhiều nét của người nông thôn Nga, người ta thường dùng cách xưng hô *бабушка* (bà); *дедушка* (ông). Ví dụ: *Бабушка, болит у вас что-нибудь сейчас?* (Bà ơi, bây giờ bà đau ở đâu?); *Дедушка, куда вы идёте?* (Ông, bây giờ ông đi đâu?). Cách xưng hô này giống như trong tiếng Việt. Để tỏ lòng tôn kính với những người lớn tuổi người Việt vẫn thường xưng hô: Ông cho con hỏi? Bà có cần giúp đỡ không?

Nếu người nói là người có tuổi thì họ có thể gọi những người không quen biết bằng những từ thông tục nhưng trêu mến: *дочка, сынок*. Ví dụ: *Дочка, где здесь овощной магазин?* (Con gái bé bỏng, cửa hàng rau ở đâu?); *Сынок, который теперь час?* (Con trai bé bỏng, bây giờ mấy giờ rồi?). Trong xưng hô với những người không quen biết lớn tuổi và cao tuổi người nói (khởi xướng đối thoại) còn có thể sử dụng lối nói bình dân: *Мать! Мамаша! Отец! Папаша!* Cũng có thể nói như vậy về dạng thức xưng hô sử dụng các từ *браток, сестричка*. Ví dụ: *Здорово, браток* (Xin chào, người anh em). Cách xưng hô này cũng có trong tiếng Việt, chỉ khác nhau ở bình diện ngôn ngữ.

2.2. So sánh cách xưng hô với người quen biết trong tiếng Nga và tiếng Việt

2.2.1. Cách xưng hô sử dụng tên riêng và phụ danh trong giao tiếp tiếng Nga

Trong giao tiếp tiếng Nga khi xưng hô với người quen biết tên riêng được sử dụng nhiều nhất. Đó là nét khác biệt lớn nhất của từ xưng hô tiếng Nga với các ngôn ngữ khác, trong đó có tiếng Việt. Xuất xứ tên riêng người Nga có nhiều nguồn gốc khác nhau: những tên mới xuất hiện như: *Октябрина, Нинель...*; những tên có từ lâu: *Игорь, Олег, Ольга...*; những tên có xuất xứ từ nước ngoài: *Альберт, Виктор, Герман...*; tên có nguồn gốc từ ngôn ngữ Slavơ: *Владислав, Олег...*; tên được đặt theo một: *Екатерина, Анастасия, Дарья...* Người Nga thường dùng rộng rãi cách xưng hô theo lối rút gọn tên riêng như *Елена -Лена, Татьяна-Таня...* Ngoài hình thái rút gọn, cách xưng hô bằng tên riêng còn có thể được bổ sung các hậu tố nhằm biểu cảm như *Татьяна-Танечка, Танюша...*

Tùy từng gia đình mà người ta có thể dùng dạng giảm nhỏ này hay dạng giảm nhỏ khác của tên gọi. Một dạng tên riêng được dùng nhiều trong sinh hoạt gia đình với cộng đồng xã hội là dạng có thêm hậu tố -к(a) với sắc thái suồng sã hạ thấp về mặt tu từ như:

Наташа-Наташка, Лена-Ленка... Do tiếng Việt là ngôn ngữ đơn lập (hình thái của từ không biến đổi khi biểu hiện những ý nghĩa ngữ pháp khác nhau) nên tên người Việt không được cấu tạo bằng phương thức hậu tố. Để biểu hiện sắc thái âu yếm, thân mật tên Việt cần kết hợp với định ngữ khác. Ví dụ: Nam *bé bỏng*, Đào *đáng yêu*,... Ở bình diện văn hóa trong cách xưng hô người Việt ít sử dụng tên riêng (tên tục do cha mẹ đặt cho lúc con người mới sinh ra) đặc biệt với những người hơn tuổi.

Ngoài việc thường sử dụng tên riêng để xưng hô trong giao tiếp người Nga còn dùng tên và phụ danh để xưng hô. Ví dụ: Елена Андреевна, Николай Михайлович. Cách xưng hô tên kèm theo phụ danh có chức năng biểu thị sắc thái tôn trọng, lịch sự. Phụ danh tên người Nga được cấu tạo từ tên bỏ bằng các hậu tố: -ович (Петрович), -евич (Николаевич), -ич (Ильич) cho nam giới; và -овна (Петровна), -евна (Никалаевна), -ична (Никитична) cho nữ giới. Phụ danh của mỗi người cũng có từ lúc mới sinh ra nhưng việc sử dụng trong xưng hô thì muộn hơn nhiều, sau khi người ấy đã trưởng thành có công việc độc lập trong xã hội. Ví dụ: Возьмите номерок, Иван Сергеевич. (Ivan Xepgeievich, anh hãy nhận phòng đi). Trong trường phổ thông và trường đại học Nga tất cả các học sinh, sinh viên đều dùng cách xưng hô với các thầy giáo, cô giáo bằng tên và phụ danh. Trong tiếng Việt, học sinh, sinh viên thường xưng hô với thầy cô giáo của mình bằng các từ xưng hô *thầy, cô* và để biểu hiện sự lễ phép, thái độ tôn trọng với thầy cô các em sử dụng các từ *thưa, dạ, ạ*. Ví dụ: *Thưa cô*, em viết xong *rồi ạ*. Do có sự giao thoa ngôn ngữ nên nhiều sinh viên Việt Nam khi xưng hô với thầy, cô giáo Nga vẫn thêm từ *преподаватель* + tên phụ danh. Cách xưng hô này sai với nghi thức lời nói Nga.

Vì xưng hô được thực hiện chủ yếu dưới dạng khẩu ngữ cho nên chúng ta cần phải biết một số chuẩn mực phát âm tên riêng và phụ danh tiếng Nga. Trong chức năng xưng hô, khi nói chuyện tên người Nga và phụ danh được rút gọn (nghĩa là rút gọn nguyên âm cuối hoặc phần cuối của từ). Ví dụ: rút gọn tên riêng *Петя – Петь! Наташа – Наташ!* Tương tự, phụ danh cũng được phát âm rút gọn (rút bỏ nguyên âm hoặc vài ba âm ở giữa từ). Ví dụ: *Анна Ивановна – Анн Ванн, Пётр Александрович – Пёт Саныч*.

2.2.2. So sánh cách xưng hô với người thân trong tiếng Nga và tiếng Việt

Chúng ta đã phân tích đối chiếu cách xưng hô với người quen biết trong giao tiếp tiếng Nga và tiếng Việt bằng tên và phụ danh. Cách gọi tên những người thân thiết trong gia đình khi xưng hô cũng có những nét đặc biệt: trong tiếng Việt đó là dùng từ thân tộc như *ba, tía; mẹ, má, bà, u...*, tương tự trong tiếng Nga là các từ: *мать, мама, мамочка* (mẹ); *отец, папа, папочка* (bố).

Trong giao tiếp sinh hoạt hằng ngày ở gia đình cách xưng hô *мать, отец* ít khi gặp đối với những người con đã lớn tuổi. Các từ xưng hô này chỉ được sử dụng khi câu chuyện sẽ nói có thể mang tính chất nghiêm trọng. Trái lại cách xưng hô *мать, отец* được trẻ nhỏ (đặc biệt là các bé gái) sử dụng thường xuyên. Tuy nhiên cách xưng hô *мать, отец* cũng còn

tùy thuộc vào từng gia đình Nga. Có những gia đình cả những người con còn bé cũng như lớn tuổi sử dụng. Ở đây còn có cách xưng hô bằng *мама, papa* : cách này giống như trường hợp dùng tên riêng, khi giao tiếp cũng bị rút gọn: *мама – мам, папа – пап*.

Khi xưng hô với bố, mẹ hình thức giao tiếp bằng “*ты*” (ngôi thứ hai số ít) thường được dùng để chỉ quan hệ thân mật gần gũi. Tuy nhiên, hiện nay ở một số vùng nông thôn Nga còn sử dụng cách xưng hô với bố mẹ bằng “*вы*” (ngôi thứ hai số nhiều) để nhấn mạnh thái độ đặc biệt tôn trọng với bố, mẹ.

Các từ *мама, papa* trong giao tiếp cũng mang các hậu tố giảm nhẹ - âu yếm. Ví dụ: *мама – мамочка – мамусенька – мамулечка, папа – папочка – папусенька – папулечкаю*. Những từ *дедушка* (ông), *бабушка* (bà) cũng có chức năng xưng hô trong giao tiếp đối với người thân. Trong giao tiếp các từ này cũng mang hậu tố giảm nhẹ - âu yếm *Бабушка – бабулечка – бабуленька, Дедушка – дедулечка – дедуленька*. Những người cháu lớn có thể gọi ông mình bằng *дед* còn các cháu nhỏ gọi ông mình bằng *деда*. Khác với tiếng Việt cách xưng hô tiếng Nga không có kết hợp ông nội, ông ngoại, bà nội, bà ngoại. Khi có hai ông và hai bà (nội và ngoại) theo nghi thức lời nói Nga phân biệt bằng cách gọi tên riêng có kèm trước các từ *деда* và *баба*. Ví dụ: *Баба Вера!* (Bà Vera!), *Деда Вася!* (Ông Vaxia!)

Cách xưng hô này được sử dụng với tất cả các thành viên khác trong gia đình như: *сын – сынок (con trai), дочь – дочка (con gái), внук – внучка (cháu trai)*.

Cách xưng hô trong tiếng Nga với các từ *дядя* (chú, bác), *тётя* (cô, dì) thường được dùng trong ba trường hợp: để gọi cô chú ruột – anh chị em ruột của bố hoặc mẹ. Trong đời sống hằng ngày của người Nga kiểu xưng hô này thường là kết hợp của các từ *дядя, тётя* với tên riêng. Ví dụ: *Дядя Ваня!* (Chú Vanhia!), *Тётя Таня!* (Cô Tanhia!)

Ngoài ra, trẻ em mẫu giáo và học sinh lớn, nhỏ cũng dùng cách gọi này để xưng hô với người lớn tuổi không có quan hệ họ hàng. Cuối cùng cách xưng hô *дядя, тётя* được sử dụng gọi người lớn trong lĩnh vực dịch vụ có quen biết với gia đình: hộ lý trong bệnh viện, gác công, bảo vệ trường học,...

Tóm lại cách xưng hô với người quen biết trong giao tiếp Nga chủ yếu dùng tên riêng với các phương tiện ngôn ngữ mang hậu tố giảm nhẹ - âu yếm đó là điểm khác biệt lớn nhất với tiếng Việt chủ yếu dùng các dạng từ thân tộc xưng hô biểu hiện mối quan hệ gắn kết, nặng nghĩa tình trong cộng đồng xã hội.

3. KẾT LUẬN

Nghi thức lời nói là phạm trù quan trọng trong dạy thực hành tiếng cho tất cả các sinh viên học ngoại ngữ (trong đó có tiếng Nga và tiếng Việt), bởi trong mỗi nghi thức lời nói đều chứa đựng các đặc trưng ngôn ngữ và văn hóa của mỗi dân tộc.

Từ xưng hô là thành tố quan trọng của lời nói. Việc sử dụng từ xưng hô có tính quyết định hiệu quả của một cuộc giao tiếp.

Nhân tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn dạng thức giao tiếp của từ xưng hô trong tiếng Nga và tiếng Việt hoàn toàn không giống nhau: trong tiếng Nga quan hệ giữa vai trao và vai nhận bị chi phối bởi quan hệ xa và mối quan hệ gần; còn trong tiếng Việt mối quan hệ ấy bị chi phối bởi quan hệ tôn ty, huyết thống, hôn nhân.

Trong tiếng Nga từ xưng hô chủ yếu được biểu đạt bằng danh từ tên riêng, còn trong tiếng Việt chủ yếu bằng danh từ xưng hô được chuyển hóa từ các danh từ thân tộc.

Các dạng thức xưng hô trong tiếng Nga và tiếng Việt có những điểm giống nhau, nhưng khác nhau cơ bản về hình thái từ. Trong tiếng Nga số lượng từ hô gọi nhiều hơn tiếng Việt nhờ phương thức cấu tạo từ, còn trong tiếng Việt từ hô gọi chủ yếu nhờ phương tiện từ vựng là từ đồng nghĩa. Và chính điểm khác nhau cơ bản này đã làm cho sinh viên Việt Nam mới đầu học tiếng Nga và sinh viên Nga mới học tiếng Việt gặp nhiều khó khăn trong việc lựa chọn và sử dụng đúng các dạng thức hô từ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Đức Dân (2001), *Ngữ dụng học*, TP. Hồ Chí Minh: NXB Giáo dục.
- [2] Trần Ngọc Thêm (2006), *Văn hóa giao tiếp và nghệ thuật ngôn từ*, NXB TP. Hồ Chí Minh
- [3] Акишина А.А., Формановская Н.И. (2006), *Русский речевой этикет*, М., изд. Русский язык.
- [4] Гольдин В.Е. (1987), *Обращение: Теоретические проблемы*, изд. Сатаров.
- [5] Костоморов В.Г. (1996), *Язык и культура*, М.

Title: COMPARING THE VOCATIVE WAYS OF SPEAKING RITUALS BETWEEN RUSSIAN AND VIETNAMESE

Abstract: Vocative words are important elements in Russian and Vietnamese speech etiquette. Comparing the vocative way of ritual of speaking Russian with speaking Vietnamese at the linguistic and cultural level contributes to improving the effectiveness of teaching rituals in two languages.

Key words: Vocative words, speech etiquette.